

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/LĐ-PT

Ngày: 21-02-2020

V/v “Tranh chấp về trợ cấp
khi chấm dứt hợp đồng lao
động”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N**

Với T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mên – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Tây N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần An– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 12 năm
2019 về “Tranh chấp về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019
của Tòa án nhân dân T phố Tây N, tỉnh Tây N bị kháng cáo. Theo quyết Đ đưa vụ
án ra xét xử số 05/2019/QĐPT-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 54, hẻm
2, Đ Nguyễn Trãi, khu phố 5, phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thụy H Đ, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số 58, Đ Lý Thường Kiệt, ấp Hiệp Đ, xã Hiệp T, huyện Hòa T, tỉnh
Tây N (Văn bản ủy quyền ngày 08-7-2019); vắng mặt; có đơn xin đề nghị xét
xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình A. Địa chỉ trụ
sở: Số 187, Đ 30/4, phường 2, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973,
chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình A; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vương S H, sinh năm 1984. Địa chỉ:
Số 72, Đ Trần Phú, khu phố N T, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N (Văn
bản ủy quyền ngày 12-9-2019); có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - chị Nguyễn Thụy H Đ trình bày:

Nguyên ông Nguyễn Khắc H có làm việc tại Phân khu quản lý Đ bộ A – là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng cục Đ bộ Việt Nam, nay là Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình A (gọi tắt là Công ty A) từ tháng 7-1993 đến tháng 4-2019, hợp đồng lao động không xác Đ thời hạn. Trước khi ông Nguyễn Khắc H chuyển đến làm việc tại Phân Khu quản lý Đ bộ A, ông H có thời gian phục vụ trong quân đội và các đơn vị Nhà nước khác, cụ thể:

- Tháng 11-1977 đến tháng 9-1984: Ông H là bộ đội và làm nhân viên tài vụ tại Quân đoàn 4, Sư đoàn 5, T đoàn 141 thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Từ tháng 10-1984 đến tháng 6-1993: Ông H được chuyển công tác đến Trạm thực phẩm công nghệ Tây N, thuộc Công ty thực phẩm công nghệ Bộ thương mại. Tháng 7-1993, ông H được chuyển công tác đến Phân khu quản lý Đ bộ A.

Ngày 20-02-2019, do có vấn đề về sức khỏe nên ông H có làm đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với công ty A theo đúng trình tự, thủ tục quy Đ tại Bộ luật lao động năm 2012. Đến ngày 25-4-2019, Công ty A đã ra Quyết Đ số 206/QĐ CTYA – TCHCHT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 01-5-2019 và chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông H trong thời gian từ tháng 7-1993 đến tháng 12-2008 (đã trừ đi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp), tiền lương tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi thôi việc là 12.000.000 đồng, do đó, số tiền trợ cấp thôi việc là: 12.000.000 đồng/2 x 16 năm = 96.000.000 đồng. Ông H đã nhận số tiền này.

Như vậy, khoảng thời gian làm việc của ông H tại các đơn vị nhà nước trước đó khoảng 16 năm (từ tháng 11-1977 đến tháng 6-1993), Công ty A không chi trả trợ cấp thôi việc cho ông H. Công ty A không có sự thống nhất trong cách chi trả trợ cấp thôi việc cho từng người lao động, có rất nhiều trường hợp xin chấm dứt hợp đồng lao động tương tự như ông H nhưng vẫn được chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc trước năm 1993, cụ thể là các ông Nguyễn Đình Doan, Lê Hùng S, Lê Đức Liên.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 8 Thông tư số 47/2015/TT – BLĐTBXH ngày 16-11-2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của nghị Đ số 05/2015/NĐ – CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của chính phủ quy Đ chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của bộ luật lao động, ông Nguyễn Khắc H khởi kiện yêu cầu Công ty A chi trả trợ cấp thôi việc cho ông H đối với khoảng thời gian làm việc từ tháng 11-1977 đến tháng 6 -1993 là 96.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H chỉ yêu cầu công

ty A chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông H là 93.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Nguyễn Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – anh Vương S H trình bày:

Ông Nguyễn Khắc H là nhân viên của Công ty A (tiền thân là Phân khu quản lý Đ bộ A) từ tháng 6-1993 đến tháng 4-2019. Giữa Công ty A và ông Nguyễn Khắc H có ký 05 Hợp đồng lao động sau đây:

- Hợp đồng lao động số 215/LĐTL ngày 28-6-1993, hợp đồng lao động có thời hạn, do ông Nguyễn Văn Xá đại diện theo pháp luật của Phân khu quản lý Đ bộ A (tiền thân của Công ty A) ký;

- Hợp đồng lao động số 01/CTYCPA – TCHC ngày 01-01-2007, hợp đồng lao động không xác Đ thời hạn, do ông Lê Ngọc Khánh đại diện pháp luật của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC ký, thời điểm này Công ty A thực hiện cổ phần hóa nhưng vẫn do nhà nước nắm cổ phần chi phối;

- Hợp đồng lao động số 03/CTYCPA – TCHCTH ngày 01-5-2015, hợp đồng lao động không xác Đ thời hạn, do ông Phan Thanh H đại diện pháp luật ký;

- Hợp đồng lao động số 40/CTYCPA – TCHC ngày 01-01-2016, hợp đồng lao động không xác Đ thời hạn, do ông Nguyễn Quang Hào đại diện pháp luật ký;

- Hợp đồng lao động số 100/CTYCPA – TCHCTH ngày 01-7-2017, hợp đồng lao động không xác Đ thời hạn, do ông Nguyễn Thanh T đại diện pháp luật ký, thời điểm này Công ty A đã được cổ phần hóa 100% vốn tư nhân.

Theo quy Đ thì đến ngày 01-8-2019, ông H nghỉ hưu. Tuy nhiên, ngày 20-02-2019 ông H gửi đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01-5-2019 và được công ty A đồng ý. Ngày 25-4-2019, Công ty A ra Quyết Đ số 206/QĐ CTYA – TCHCHT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 01-5-2019 và chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông H tính từ tháng 7-1993 đến tháng 12-2008 (đã trừ đi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp), tiền lương tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi thôi việc là 12.000.000 đồng, do đó, số tiền trợ cấp thôi việc ông H được nhận là 96.000.000 đồng.

Đối với khoảng thời gian ông H phục vụ trong quân đội và làm việc tại các đơn vị nhà nước trước khi chuyển công tác về công ty A thì công ty A thống nhất nhưng không đồng ý chi trả tiền trợ cấp thôi việc vì đây không phải là thời gian ông H làm việc thực tế cho công ty A; đồng thời các khoản có liên quan giữa công ty A và ông H đã được giải quyết vào ngày 27-4-2019.

Đối với trường hợp chi trả trợ cấp thôi việc cho các ông Nguyễn Đình Đoan, Lê Hùng S, Lê Đức Liên: Thời điểm đó Công ty A có chủ trương trong vòng 01 năm sau khi mua lại công ty A thì những ai còn thời hạn làm việc tại công ty trên 01 năm mới tới tuổi hưu mà có nhu cầu xin nghỉ thì công ty đồng

ý và khuyến khích và hỗ trợ không điều kiện. Do ông H không thuộc trường hợp này nên không được công ty A hỗ trợ mà chỉ giải quyết chi trả trợ cấp thôi việc theo quy Đ.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012; Khoản 5 Điều 1 Nghị Đ 148/2018/NĐ – CP ngày 24-10-2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Đ số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 và điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị Đ số 05/2015/NĐ- CP, Công ty A đã chi trả trợ cấp thôi việc cho ông H đúng quy Đ pháp luật nên nay Công ty A không đồng ý trả số tiền trợ cấp thôi việc cho ông H từ tháng 11 năm 1977 đến tháng 6 năm 1993, tổng cộng 15 năm 10 tháng (làm tròn 16 năm) làm việc là 96.000.000 đồng.

Công ty cho rằng tại Điều 2 Quyết Đ số 106/XNK.TC ngày 12-6-1993 của Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu thực phẩm thể hiện ông Nguyễn Khắc H được thanh toán tiền lương và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành của Nhà nước và quy Đ của công ty đến hết ngày 30-6-1993 nên Công ty A chỉ chi trả trợ cấp thôi việc cho ông H từ tháng 7-1993 đến tháng 12-2008 là đúng quy Đ. Do đó, công ty A không đồng ý chi trả cho ông H số tiền trợ cấp thôi việc là 93.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty A không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân T phố Tây N, tỉnh Tây N đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Các Điều 36, 37, 48, 202 của Bộ luật Lao động; Điều 14, Khoản 2 Điều 38 của Nghị Đ số 05/2015/NĐ- CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Các Điều 8, 9 của Thông tư số 47/2015/TT – BLĐTBXH ngày 16-11-2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị Đ số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015;

Các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “Tranh chấp về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động” của ông Nguyễn Khắc H đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A trả cho ông Nguyễn Khắc H số tiền trợ cấp thôi việc còn lại là 93.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết Đ về án phí, các quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo luật Đ.

Ngày 05/11/2019, ông Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H.

Ý kiến của Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng

quy Đ pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình A. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân T phố Tây N.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thụy H Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy Đ tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Khắc H và Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình A thống nhất về khoảng thời gian ông H phục vụ trong quân đội chuyển ngành về làm việc tại công ty xuất nhập khẩu thực phẩm thuộc tổng Công ty Thực phẩm (Bộ thương mại), chuyển công tác về công ty A nhưng công ty chỉ đồng đồng ý thanh toán cho ông H trợ cấp thôi việc là 96.000.000 đồng (trong thời gian từ tháng 7-1993 đến tháng 12-2008); không đồng ý chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông H trong khoảng thời gian từ tháng 11-1977 đến tháng 6 -1993 là 93.000.000 đồng vì đây không pH là thời gian ông H làm việc thực tế cho công ty A.

[3] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình A thấy rằng:

[3.1] Ông Nguyễn Khắc H trước khi chuyển về công tác tại Công ty A (tiền thân là Phân khu quản lý Đ bộ A) vào tháng 7-1993; ông H có thời gian làm việc ở đơn vị thuộc lực lượng vũ trang và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước cụ thể: ông H có thời gian công tác trong quân đội tại Quân đoàn 4, Sư đoàn 5, T đoàn 141 thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 11 năm 1977 đến tháng 9-1984; đến ngày 02/10/1984 ông H được chuyển ngành về Công ty xuất nhập khẩu thực phẩm thuộc tổng công ty Thực phẩm Bộ thương mại (bút lục 34); ngày 12/6/1993 ông H được chuyển công tác đến Phân khu quản lý Đ bộ A (bút lục 32).

[3.2] Trong quá trình làm việc tại Công ty A (tiền thân là Phân khu quản lý Đ bộ A) từ tháng 6-1993 đến tháng 4-2019, giữa Công ty A và ông Nguyễn Khắc H có ký kết 05 Hợp đồng lao động sau:

Hợp đồng lao động số 215/LĐTL ngày 28-6-1993, có thời hạn; Hợp đồng lao động số 01/CTYCPA – TCHC ngày 01-01-2007, không xác Đ thời hạn; Hợp đồng lao động số 03/CTYCPA – TCHCTH ngày 01-5-2015, không xác Đ thời hạn; Hợp đồng lao động số 40/CTYCPA – TCHC ngày 01-01-2016, không xác Đ thời hạn; Hợp đồng lao động số 100/CTYCPA – TCHCTH ngày 01-7-2017, không xác Đ thời hạn.

[3.3] Công ty A kháng cáo cho rằng tại Điều 2 Quyết Đ số 106/XNK.TC ngày 12-6-1993 của Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu thực phẩm thể hiện ông Nguyễn Khắc H được thanh toán tiền lương và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành của Nhà nước và quy Đ của công ty đến hết ngày 30-6-1993 nên Công ty A chỉ chi trả trợ cấp thôi việc cho ông H từ tháng 7-1993 đến tháng 12-2008 (trừ đi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp) nhưng công ty A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H đã được nhận tiền trợ cấp thôi việc tính đến hết ngày 30-6-1993.

[3.4] Mặt khác căn cứ vào quyết Đ số 10/84/ QĐ ngày 02 tháng 10 năm 1984 của T đoàn trưởng Quân đoàn 4, Sư đoàn 7 T đoàn 141 và Quyết Đ số 106/XNK.TC ngày 12-6-1993 của Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu thực phẩm, ông H chỉ được hưởng chế độ chuyển ngành, thanh toán tiền lương và các quyền lợi khác chưa được hưởng tiền trợ cấp thôi việc (bút lục 08,13).

[3.5] Theo quy Đ tại Điều 48 của Bộ luật Lao động và Điều 14 của Nghị Đ số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015, tiền trợ cấp thôi việc của ông Nguyễn Khắc H được tính như sau:

Thời gian làm việc thực tế của ông H được tính từ tháng 11-1977 đến tháng 12-2008 (trừ đi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01-2009 đến ngày 30-4-2019) là 31 năm 01 tháng, làm tròn là 31,5 năm, tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của ông H trước khi thôi việc tại công ty A là 12.000.000 đồng/tháng.

$31,5 \text{ năm} \times 12.000.000 \text{ đồng}/2 = 189.000.000 \text{ đồng}$. Ông H đã được nhận số tiền 96.000.000 đồng nên Công ty A còn pH chi trả cho ông H số tiền trợ cấp thôi việc còn lại là 93.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với yêu cầu buộc Công ty A trả số tiền 93.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A không được chấp nhận nên công ty pH chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A.

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân T phố Tây N, tỉnh Tây N.

Căn cứ các Điều 36, 37, 48, 202 của Bộ luật Lao động; Điều 14, Khoản 2 Điều 38 của Nghị Đ số 05/2015/NĐ- CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Các Điều 8, 9 của Thông tư số 47/2015/TT – BLĐTBXH ngày 16-11-2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị Đ số 05/2015/NĐ- CP ngày 12-01-2015; Các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “Tranh chấp về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động” của ông Nguyễn Khắc H đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A trả cho ông Nguyễn Khắc H số tiền trợ cấp thôi việc còn lại là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Khắc H được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A chịu 2.790.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

2.2. Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A pH chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001922 ngày 05-11-2019, của Chi cục thi hành án dân sự T phố Tây N, tỉnh Tây N. Ghi nhận đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Thanh Minh Châu

Phạm Thị Hồng Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND TP. Tây N;
- Chi cục THADS TP. Tây N;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Thị Thúy Phượng

Phạm Thị Hồng Vân

